

Bản án số: 255/2018/DS-ST
Ngày: 19 - 6 - 2018
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Phong – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST-DS ngày 16/01/2018; về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ trụ sở: , phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: , phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm 1968

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T, sinh năm 1969

Chức vụ: Trưởng phòng Thu Hồi Nợ Pháp lý kiêm Quản Lý Pháp Chế cho Phòng An Ninh và Phòng Kiểm soát Gian lận, Phòng Thu Hồi Nợ Pháp lý, Trung tâm Thu Hồi Nợ-Khối Tín dụng Tiêu dùng-Ngân hàng TMCP V

Là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP V theo Văn bản ủy quyền số: 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017.

Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1994 – Nhân viên Ngân hàng TMCP V

Là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP V theo Văn bản ủy quyền số: 335/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 22/12/2017, (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quý L, sinh năm 1976; địa chỉ: , Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2017, bản tự khai, các lần làm việc tại Tòa án và các bản sao kê, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V do ông Lê Hiền T và ông Nguyễn Thanh V là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 19 tháng 9 năm 2014 ông Nguyễn Quý L có ký với V đồng tín dụng số 20140920-100214-0016 để vay số tiền 51.988.581 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.75 %/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Nguyễn Quý L có trách nhiệm thanh toán số tiền 97.435.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; trong 35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.656.000 đồng, tháng cuối cùng trả 4.475.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/11/2014.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền vay và thanh toán cho V được 21 lần với tổng số tiền là 55.816.000 đồng. Kể từ ngày 23/11/2015 đến nay, ông Nguyễn Quý L không thanh toán bất cứ khoản tiền nào mặc dù V đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quý L phải thanh toán một lần cho V các sau:

- Nợ gốc: 31.100.366 đồng;
- Nợ lãi tới hạn: 10.518.634 đồng;
- Tổng cộng là: 41.619.000 đồng.

Ông L phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông Nguyễn Quý L không tự nguyện thi hành đúng hạn, ông L còn phải thanh toán cho V số tiền lãi chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự cho đến ngày thanh toán hết nợ cho V.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Quý L tới Tòa án tham gia tố tụng, nhưng ông L không tới nên Tòa án không ghi được lời khai của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát không có kiến nghị về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Ngân hàng TMCP V đã ký kết Hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Quý L theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Ông Nguyễn Quý L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V

số tiền nợ gốc là 31.100.366 đồng và lãi suất phát sinh theo cho đến khi trả dứt nợ vay. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Ngày 19 tháng 9 năm 2014 ông Nguyễn Quý L có ký Hợp đồng tín dụng với V để vay tiền, do đó có cơ sở xác định giữa ông L và V có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản như qui định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Do ông L không trả tiền vay nên Ngân hàng khởi kiện, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L cư trú tại quận Gò Vấp, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông L tới để giải quyết vụ án, do ông L không tới Tòa theo triệu tập nên Tòa án không ghi được lời khai và tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông L không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[5] Về nội dung:

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng ký ngày 19 tháng 9 năm 2014, ông L đã nhận đủ số tiền vay và thanh toán cho V được 21 lần với tổng số tiền là 55.816.000 đồng. Kể từ ngày 23/11/2015 đến nay, ông Nguyễn Quý L không thanh toán bất cứ khoản tiền nào mặc dù V đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

[7] Tính đến ngày 19 tháng 6 năm 2018, ông L còn nợ V các khoản sau: Nợ gốc: 31.100.366 đồng; Nợ lãi tới hạn: 10.518.634 đồng; Tổng cộng là: 41.619.000 đồng.

[8] Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ số nợ tính đến ngày 19 tháng 6 năm 2018 là 55.816.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và nếu không trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn thì còn phải trả lãi chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự.

[9] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, .. thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại khoản 2 Điều

91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Do vậy, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng được thực hiện theo thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật, thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử thống nhất:

[11] Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Quý L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ số nợ tính đến ngày 19 tháng 6 năm 2018 là 41.619.000 đồng, trong đó nợ gốc là 31.100.366 đồng, nợ lãi tới hạn: 10.518.634 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[12] Trong trường hợp ông L không tự nguyện thi hành án đúng hạn, ông L còn phải thanh toán cho V số tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự cho đến ngày thanh toán hết nợ cho V.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Ly phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 41.619.000 đ x 5% = 2.080.950 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 1.040.475 đồng cho V mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0028425 ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự số năm 2005.

- Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Quý L còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền 41.619.000 đ (bốn mươi một triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 31.100.366 đồng, nợ lãi tới hạn là 10.518.634 đồng từ Hợp đồng tín dụng số 20140920-100214-0016 ngày 19 tháng 9 năm 2014.

- Buộc ông Nguyễn Quý L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 41.619.000 đ (bốn mươi một triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng), trong đó nợ

gốc là 31.100.366 đồng, nợ lãi tới hạn là 10.518.634 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Quý L chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quý L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.080.950 đ (hai triệu không trăm tám mươi ngàn chín trăm năm mươi đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 1.040.475 đ (một triệu không trăm bốn mươi ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng) cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0028425 ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn